TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA

Bản án số: 01/2020/HNGĐ – ST
Ngày 14/01/2020
V/v: Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Lương Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Công Ó.

- Bà Lê Thị Bống.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngoãn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST – HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST – DS, ngày 30 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Sồng Thị M, sinh năm 1996.

- Bị đơn: anh Thào A S, sinh năm 1996.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản Suối G, xã Kim B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Hai bên đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ý kiến trình bày tại phiên tòa nguyên đơn chị Sồng Thị M trình bày:

Chị M và anh S kết hôn với nhau theo phong tục của của người dân tộc Mông và tổ chức đám cưới từ năm 2013 nhưng đến ngày 21/01/2018 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Qua quá trình chung sống cả hai vợ chồng hòa thuận hạnh phúc một thời gian đến đầu năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do hai vợ chồng đều đi làm thuê ở tỉnh Quảng Ninh và anh S nghi ngờ chị ngoại tình với người đàn ông khác. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên nội ngoại, bàn bè, chính quyền bản khuyên giải nhưng không thành. Từ khoảng tháng 8 năm 2019 đến nay thì anh chị sống ly thân nhau, chị M bỏ về sinh sống với bố mẹ đẻ, trong thời gian ly thân thì không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Đến nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết xin được ly hôn anh Thào A S.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Thào Xuân M, sinh ngày 05/12/2013 và cháu Thào Đăm V, sinh ngày 12/8/2015, chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn cháu V chị đồng ý để cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị không cấp dưỡng nuôi con cho anh S.

Về tài sản chung: Chị M có đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa bị đơn anh Thào A S trình bày:

Về thời gian kết hôn và nơi kết hôn thì anh nhất trí như chị M đã trình bày. Anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do chị M ngoại tình với người đàn ông khác, tuy nhiên những mâu thuẫn này không quá nghiêm trọng, bản thân anh S xác định tình cảm vợ chồng

vẫn còn, anh S mong muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái, tiếp tục cuộc sống hạnh phúc. Trong trường hợp nếu chị M kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí để giải phóng cho cả hai yên tâm lao động, làm ăn và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Thào Xuân M, sinh ngày 05/12/2013 và cháu Thào Đăm V, sinh ngày 12/8/2015, nếu ly hôn, anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu M và V đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, anh S không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh đã tự thỏa thuận giải quyết về tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc); Bản tự khai chị M, anh S; Sộ hộ khẩu gia đình (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân chị M, anh S (bản sao); Giấy khai sinh các cháu M và V (bản sao);

Tài liệu do Tòa án thu thập gồm: Biên bản xác minh ngày 20/12/2019 tại Chi hội phụ nữ bản Suối G và Trưởng bản Suối G, xã Suối B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La;

Quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71, 72 và 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: áp dụng điều 51, điều 56, điều 59; điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sồng Thị M, đề nghị xử cho chị Sồng Thị M được ly hôn anh Thào A S. Giao cháu Thào Xuân M cho chị Sồng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Thào Đăm V cho anh Thào A S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị M, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chấp nhận sự tự nguyện giải quyết tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết của hai anh chị. Về nợ chung và tài sản riêng: Không có.

Chị Sồng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Chị Sồng Thị M và anh Thào A S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định, có hộ khẩu, tài sản tại bản Suối G, xã Suối B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Hiện anh chị có tranh chấp về ly hôn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Sồng Thị M và anh Thào A S kết hôn tổ chức đám cưới từ năm 2013 và đến năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do anh S nghi ngờ chị M ngoại tình, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, hiện nay anh chị đang sống ly thân.

Xét thấy: Qua hai lần Tòa án tổ chức hòa giải để anh chị đoàn tụ gia đình, tiếp tục cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị M kiên quyết xin ly hôn, anh S mong muốn đoàn tụ gia đình. Trong thời gian anh chị sống ly thân từ khoảng tháng 8 năm 2019 đến nay, hai anh chị không quan tâm đến nhau, anh S không có hướng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh S.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Thào Xuân M, sinh ngày 05/12/2013 và cháu Thào Đăm V, sinh ngày 12/8/2015. Chị M có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu M đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, còn cháu V thì nhất trí để cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chị không cấp dưỡng nuôi con cùng anh S. Anh S có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu M và V đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Chị M và anh S đều là người trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự, có sức khỏe để tự lao động nuôi sống bản thân và con cái, tuy nhiên hiện nay cả hai anh chị đều không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, thu nhập chủ yếu là đi làm thuê, chăn nuôi, trồng trọt, nếu để một trong hai anh chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu thì không đảm bảo nên cần giao cháu Thào Xuân M cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động và giao cháu Thào Đăm V cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho các cháu và chấp nhận sự tự nguyện của hai anh chị về việc không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, cả hai anh chị trình bày ý kiến tự thỏa thuận, giải quyết về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Cả hai anh chị đều có ý kiến tự thỏa thuận về tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản riêng và nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Sồng Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, điều 56, điều 59, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Sồng Thị M được ly hôn anh Thào A S.

2. Về con chung:

- Giao cháu Thào Xuân M, sinh ngày 05/12/2013 cho chị Sồng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

- Giao cháu Thào Đăm V, sinh ngày 12/8/2015 cho anh Thào A S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

- Chị M, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Sồng Thị M phải chịu 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu, quyển số: 077, số 0003823, ngày 02/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Chị Sồng Thị M đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 22 điều 70; điều 271; điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Nguyên đơn chị Sồng Thị M, bị đơn anh Thào A S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ngày 14/01/2020;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên (2);
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- UBND xã Suối B, huyện Phù Yên;
(nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS; AV;

Lê Lương Anh